|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH****Số: /ĐA-UBND** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2018* |

 ***(DỰ THẢO)***

**ĐỀ ÁN**

 **Về một số chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động**

**trong quá trình sắp xếp tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế tỉnh Hà Tĩnh**

**giai đoạn 2019-2021**

**ơ**

**PHẦN THỨ NHẤT**

**SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

 **I. Thực trạng bộ máy các cơ quan hành chính, đơn vị, sự nghiệp toàn tỉnh đến 30/8/2018.**

 **1. Thực trạng bộ máy**

Tổng số cơ quan đơn vị từ cấp tỉnh đến cấp xã:1250, trong đó:

 - Cơ quan hành chính: 297 cơ quan hành chính (13 huyện, thành phố, thị xã; 22 sở ban ngành; 262 xã, phường, thị trấn)

 - Đơn vị sự nghiệp: 909 (10 đơn vị trực thuộc UBND tỉnh; 112 đơn vị trực thuộc Sở Ban ngành; 782 đơn vị trực thuộc UBND huyện; 5 đơn vị trực thuộc tổ chức chính trị xã hội)

 - Hội đặc thù, tổ chức đoàn thể cấp tỉnh: 14

 - Cơ quan khối Đảng, Đoàn thể: 30

 **2. Thực trạng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người lao động**

Tổng số cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã (kể cả khối đảng, mặt trận, đoàn thể) hiện có tính đến tháng 30/8/2018 là 36018 người (3123 cán bộ, công chức; 27273 viên chức, 5219 cán bộ, công chức cấp xã, 403 hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP, 1689 hợp đồng khác)

**II. Kết quả thực hiện chính sách liên quan đến tinh giản biên chế từ năm 2015 đến nay.**

Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh xác định công tác tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là một nhiệm vụ quan trọng nhằm sắp xếp lại tổ chức bộ máy tinh gọn, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, góp phần nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Vì vậy, tỉnh đã tập trung quyết liệt chỉ đạo các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở thống nhất nhận thức và thực hiện có hiệu quả chủ trương về sắp xếp lại tô chức bộ máy, tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Triển khai, cụ thể hóa các văn bản, quy định của Trung ương thành các văn bản của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh để thực hiện kịp thời, đảm bảo yêu cầu và phù họp với tình hình thực tế của địa phương. Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, tất cả các cơ quan, đơn vị đã xây dựng Đề án tinh giản biên chê giai đoạn 2015 - 2021 để làm cơ sở triển khai thực hiện. Đến nay, các cơ quan, đơn vị trong tỉnh đã hoàn thành Đề án tinh giản biên chế, HÐND tỉnh đã thông qua Nghị quyết số 39/NQ-HÐND về Kế hoạch tinh giản biên chế công chức, viên chức cấp tỉnh, cấp huyện giai đoạn 2016-2021; theo đó dự kiến: Biên chế hành chính nhà nước đến hết năm 2021 là 2.297 biên chế, giảm 255 biên chế/kế hoạch giao năm 2015, (tỷ lệ 10%); Biên chế sự nghiệp Nhà nước đến hết năm 2021 là 25.898 biên chế, giảm 3.268 biên chế/KH giao năm 2015 (tỷ lệ 11,2%)

Để thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách, quy định của pháp luật liên quan đến tinh giản biên chế, từ năm 2011 lại nay, tại tỉnh Hà Tĩnh đã thực hiện các chính sau để tinh giản biên chế:

**-** Nghị định108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

- Quyết định số 06/2012/QĐ-UBND ngày 19/3/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định tạm thời về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức dôi dư khi thực hiện Đề án sắp xếp, kiện toàn các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, ban quản lý dự án và tổ chức hội (chỉ thực hiện đến năm 2014 khi Nghị định 108/2014/NĐ-CP có hiệu lực);

- Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.

**-** Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27/4/2010 quy định về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức.

 - Quyết định số 3435/QĐ-UBND ngày 04/9/2015 của UBND tỉnh hỗ trợ đóng BHXH, BHYT cho cán bộ cấp xã không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức danh lãnh đạo nhiệm kỳ 2015 - 2020 và không thể bố trí được công tác khác phù hợp, có thời gian đóng BHXH dưới 20 năm trên địa bàn tỉnh**.**

Các chính sách trên hỗ trợ, thúc đẩy cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thực hiện tinh giản biên chế. Tuy nhiên trên thực tế, số lượng thực hiện tinh giản biên chế đến nay còn thấp so với yêu cầu giảm biên chế của tỉnh giai đoạn 2015-2021, các chính sách chưa bao trùm được tất cả các đối tượng cần tinh giản, các trường hợp được phép tinh giản quy định khá chặt chẽ nên một số cán bộ, công chức, viên chức dù có nguyện vọng nghỉ tinh giản nhưng không được xem xét, mặt khác một số đối tượng được phép tinh giản nhưng không được hỗ trợ về tiền dẫn đến tâm lý không muốn nghỉ việc. Chính sách hỗ trợ cho các đối tượng thấp, đặc biệt đối với những người có thời gian công tác ngắn, mức trợ cấp thôi việc theo Nghị định 46/2010/NĐ-CP, Nghị định 29/2012/NĐ-CP so với một số chính sách tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ. Phân tích cụ thể ở các chính sách như sau:

 **1. Kết quả thực hiện chính sách tinh giản theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP.**

 1.1. Kết quả.

Từ năm 2015, Kết quả thực hiện tinh giản biên chế từ 2015 -2018 từ cấp tỉnh đến cấp xã theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP là 775 người, cụ thể như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Công chức** | **Viên chức** | **Tổng** | **Tổng** |
| **Nghỉ trước tuổi** | **Thôi việc ngay** | **Nghỉ trước tuổi** | **Thôi việc ngay** |
| Tỉnh | 27 | 1 | 161 | 59 | 248 | **775** |
| Huyện | 18 | 2 | 342 | 12 | 374 |
| Xã | 109 | 44 |   |   | 153 |

 1.2. Ưu điểm: Góp phần tinh giản biên chế đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Hà Tĩnh trong giai đoạn 2015 - 2021.

Một số đơn vị thực hiện tốt như: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (năm 2016 vượt mức kế hoạch tinh giản biên chế của Nghị quyết 39), UBND thành phố Hà Tĩnh, UBND huyện Cẩm Xuyên..Một số đơn vị không giao chỉ tiêu như Văn phòng UBND tỉnh, hoặc giao ít như Sở Giao thông vận tải nhưng do sắp xếp bộ máy, số lao động dôi dư thực hiện tinh giản khá nhiều.

1.3. Hạn chế:

- Đối với cấp huyện, cấp tỉnh:

Về cơ bản, việc thực hiện tinh giản theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP chiếm tỷ lệ không cao trong tổng số biên chế được tinh giản tại các đơn vị, mỗi năm chiếm khoảng hơn 30% tổng biên chế tinh giản (chủ yếu trừ hưu và dôi dư) theo yêu cầu của Nghị quyết 39/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 về việc thông qua kế hoạch tinh giản biên chế công chức, viên chức cấp tỉnh, cấp huyện giai đoạn 2016-2021, việc thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP đạt hiệu quả chưa cao do các nguyên nhân sau:

+ Các trường hợp được nghỉ tinh giản, các điều kiện để hưởng các chính sách cụ thể khá chặt chẽ, do đó một số đối tượng mặc dù có nguyện vọng nhưng không nghỉ tinh giản được do không đảm bảo về hồ sơ: đối tượng muốn nghỉ trước tuổi do ốm đau lâu dài nhưng không đủ hồ sơ từ cơ quan bảo hiểm, bệnh viện; đối tượng trên 58 tuổi đối với nam, 53 tuổi đối với nữ được nghỉ tinh giản nhưng không được hưởng tiền hỗ trợ; một số người khả năng đáp ứng yêu cầu công việc không cao, tuổi tác gần kề thời gian đủ tuổi nghỉ hưu và muốn được nghỉ tinh giản biên chế, tuy nhiên chưa thuộc vào các trường hợp được nghỉ tinh giản biên chế.

+ Có một số đối tượng không đảm đương được công việc theo vị trí công tác, nhưng vẫn trong biên chế, không thể tinh giản được, chủ yếu là do công tác đánh giá, phân loại công chức, viên chức không đúng thực chất nên không có cơ sở đưa vào diện tinh giản biên chế để cho thôi việc, hưởng chế độ, chính sách.

 + Các cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thật sự mạnh dạn thực hiện chủ trương này, vì sau khi tinh giản, số lượng biên chế còn lại ít, khó đảm đương được khối lượng công việc ngày càng nhiều.

 + Chế độ, chính sách đối với những người nghỉ việc thuộc diện tinh giản biên chế chưa phù hợp, còn thấp nên chưa khuyến khích, động viên những đối tượng thuộc diện tinh giản biên chế tự nguyện đăng ký tham gia và tích cực hợp tác để thực hiện tinh giản biên chế; Số lượng cán bộ, công chức, viên chức thôi việc ngay thấp hơn so với nghỉ hưu trước tuổi một phần do chính sách chưa có tính khuyến khích cao đối với nhóm đối tượng này.

- Đối với cấp xã:

+ Thực hiện chính sách tinh giản biên chế giai đoạn này ở tỉnh đối với CBCC cấp xã chủ yếu đang theo nguyện vọng thôi việc của CBCC cấp xã, chưa thực hiện được bắt buộc thôi việc để tinh giản biên chế, đồng thời chưa đặt trong bối cảnh sắp xếp, sáp nhập các ĐVHC cấp xã (dẫn tới dôi dư lớn số lượng CBCC cấp xã phải thôi việc ngay sau khi sắp xếp, sáp nhập), do đó lý do tinh giản biên chế giai đoạn này chỉ tập trung ở các lý do như: 02 năm hoàn thành nhiệm vụ nhưng hạn chế về năng lực; chưa đạt chuẩn…

 + Chủ yếu tinh giản đội ngũ CBCC cấp xã có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi, các đối tượng còn lại không đủ điều kiện (về tuổi, về số năm tham gia BHXH bắt buộc) để được nghỉ hưu trước tuổi thì không “mặn mà” với các chính sách còn lại quy định tại Nghị định 108/2014/NĐ-CP, theo đó ảnh hưởng lớn đến quá trình tinh giản biên chế để cơ cấu lại đội ngũ công chức vừa đảm bảo về độ tuổi, sức khỏe và năng lực thực hiện nhiệm vụ. Mặt khác, các đối tượng đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi nhưng chỉ còn 2 năm nữa mới đủ tuổi nghỉ hưu thì chỉ không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi, ngoài ra không được hỗ trợ thêm khoản nào khác, dẫn tới các đối tượng này cũng không “mặn mà” nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP nên vẫn duy trì công tác để đủ nghỉ hưu đúng tuổi.

 + Đội ngũ CBCC cấp xã thôi việc ngay theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP không nhiều, mức hỗ trợ thấp; theo đó, thời gian tới nếu các đối tượng là CBCC cấp xã không đủ điều kiện về tuổi và thời gian tham gia BHXH để nghỉ hưu trước tuổi nhưng buộc phải thôi việc ngay do dôi dư sau khi sắp xếp, sáp nhập các ĐVHC cấp xã thì với mức hỗ trợ như Nghị định 108/2014/NĐ-CP hiện nay sẽ rất khó khăn đối với CBCC cấp xã.

 Hiện tại Trung ương đã ban hành Nghị định số 113/2018/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 108/2014/NĐ-CP trong đó mở rộng thêm các trường hợp được tinh giản biên chế, tuy nhiên, điều kiện để hưởng các chính sách, mức chi trả vẫn giữ nguyên. Do đó, một số đối tượng trong quá trình sắp xếp tinh giản bộ máy sẽ không thuộc đối tượng, trường hợp điều chỉnh của chính sách này.

**2. Kết quả thực hiện Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ về Chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội**

***2.1. Kết quả***

**- Cấp huyện, cấp tỉnh:**

Cấp tỉnh: 1 người nghỉ hưu trước tuổi; kinh phí chi trả: 162 triệu đồng.

Cấp huyện: 5 người nghỉ hưu trước tuổi; 02 người nghỉ chờ. Tổng kinh phí chi trả là 885 triệu.

**- Cấp xã:**

 Số cán bộ cấp xã thuộc đối tượng này được giải quyết trong thời gian qua là 120 người nghỉ hưu trước tuổi, với tổng số tiền được hỗ trợ thêm (ngoài lương hưu đã được hưởng) là 5.410 triệu đồng, trung bình 45,08 triệu đồng/người.

Số CB cấp xã nghỉ công tác chờ đủ tuổi sẽ nghỉ hưu được giải quyết trong thời gian qua là 50 người, với tổng số tiền được hỗ trợ tính từ thời điểm cán bộ bắt đầu nghỉ chờ đến thời điểm cán bộ đủ tuổi nghỉ hưu là 3.595 triệu đồng, trung bình 71,9 triệu đồng/người.

Cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm chưa đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định, nếu không có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi thì cơ quan có thẩm quyền bố trí công tác phù hợp: không có trường hợp nào

**2.2. Ưu điểm**: hỗ trợ một phần đối với cán bộ các cấp không đủ tuổi tái cử.

**2.3. Hạn chế**:

- Đối tượng được thụ hưởng chính sách theo Nghị định 26/2015NĐ-CP rất ít, chỉ bao gồm cán bộ không đủ tuổi tái cử, tái bổ nhiệm nhưng phải có thời gian tham gia BHXH từ đủ 20 trở lên.

- Chỉ tập trung chủ yếu ở chính sách nghỉ hưu trước tuổi hoặc nghỉ chờ đến tuổi nghỉ hưu; không đề cập đến chính sách hỗ trợ cán bộ phải thôi việc ngay do không đủ tuổi tái cử, tái bổ nhiệm nhưng thời gian tham gia BHXH dưới 20 năm.

**3. Chính sách trợ cấp thôi việc theo Nghị định số 46/2010/NĐ-CP:**

**3.1. Kết quả.**

- Số cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cấp tỉnh**:** 20người

- Số CBCC cấp xã thuộc đối tượng này được giải quyết trong thời gian qua là 0 người.

**3.2. Đánh giá chung:**

- Ưu điểm: có hỗ trợ công chức có nguyện vọng thôi việc

- Nhược điểm: mức hỗ trợ thấp hơn so với mức hỗ trợ thôi việc ngay theo Nghị định 108/2018/NĐ-CP nên công chức không lựa chọn chính sách này.

**4. Quyết định số 3435/QĐ-UBND ngày 04/9/2015 của UBND tỉnh hỗ trợ đóng BHXH, BHYT cho cán bộ cấp xã không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức danh lãnh đạo nhiệm kỳ 2015 - 2020 và không thể bố trí được công tác khác phù hợp, có thời gian đóng BHXH dưới 20 năm trên địa bàn tỉnh**

**4.1. Kết quả**.

- Số CB cấp xã thuộc đối tượng này được giải quyết trong thời gian qua là 82 người, với tổng số tiền được hỗ trợ là 1.044 triệu đồng, trung bình 12,7 triệu đồng/người.

**4.2. Đánh giá chung**:

- Ưu điểm: hỗ trợ cán bộ phải thôi việc ngay do không đủ tuổi tái cử, tái bổ nhiệm nhưng thời gian tham gia BHXH dưới 20 năm, khắc phục được nhược điểm của chính sách theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP đã nêu ở trên.

- Nhược điểm:

+ Mức hỗ trợ thấp

+ Đối tượng được thụ hưởng theo chính sách này rất ít so với số lượng CBCC cấp xã dôi dư sau khi sắp xếp, sáp nhập.

+ Chỉ rà soát đối tượng 01 lần và hỗ trợ ngay tại thời điểm sau khi kết thúc đại hội Đảng cấp xã nhiệm kỳ 2015 - 2020 (tập trung chủ yếu là cán bộ cấp xã không đủ tuổi tái cử cấp ủy cấp xã), đối với các cán bộ không đủ tuổi tái cử theo nhiệm kỳ của các tổ chức chính trị - xã hội diễn ra các năm từ 2015 đến nay thì không được hỗ trợ theo chính sách này (tuy nhiên đối tượng rất ít).

**5. Chính sách hỗ trợ thôi việc đối với một số chức danh không chuyên trách cấp xã:**

- Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh Cựu chiến binh, tại khoản 5 Điều 10 quy định: Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh cấp xã đang được hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH, trợ cấp bệnh binh khi thôi làm công tác hội, cứ mỗi năm (đủ 12 tháng) được hưởng trợ cấp một lần bằng nửa (1/2) tháng phụ cấp hiện hưởng.

- Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Công an xã, tại khoản 4 Điều 7 quy định: Phó trưởng Công an xã và Công an viên có thời gian công tác liên tục từ đủ 15 năm trở lên nếu nghỉ việc vì lý do chính đáng thì được hưởng trợ cấp một lần, cứ mỗi năm công tác được tính bằng 1,5 tháng mức bình quân phụ cấp hiện hưởng

- Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ, tại điểm đ khoản 1 Điều 17 quy định: Trường hợp Phó Ban chỉ huy Quân sự cấp xã có thời gian công tác liên tục từ đủ 60 tháng trở lên nếu nghỉ việc được hưởng trợ cấp một lần, cứ 01 năm công tác được tính bằng 1,5 tháng mức phụ cấp bình quân của 60 tháng cuối cùng trừ trường hợp tự ý bỏ việc, kỷ luật buộc thôi việc, bị tước quyền công dân.

- Đánh giá chung:

+ Ưu điểm: Chính sách của Trung ương đã quan tâm hỗ trợ đến một số chức danh người hoạt động không chuyên trách cấp xã khi nghỉ việc (Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh, Phó Trưởng Công an, Phó Ban Chỉ huy quân sự).

+ Nhược điểm: Không bao quát hỗ trợ hết được các đối tượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã khi nghỉ việc có lý do chính đáng, tạo sự không công bằng trong thực thi chính sách.

**5. Đánh giá chung các chính sách:**

***6.1. Kết quả đạt được:***

Nhìn chung các chính sách của Trung ương, của tỉnh nêu trên đã góp phần không nhỏ hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khi thôi việc, giảm áp lực một phần trong việc thực hiện tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong tình hình mới.

***6.2. Tồn tại, hạn chế:***

- Giai đoạn 2015 - 2018 thực hiện tinh giản biên chế đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tập trung chủ yếu theo nguyện vọng của CBCC, chưa thực hiện được bắt buộc thôi việc để tinh giản biên chế, đồng thời chưa đặt trong bối cảnh sắp xếp, sáp nhập tổ chức bộ máy các cơ quan đơn vị trong toàn bộ hệ thống chính trị. Do đó, số lượng tinh giản biên chế giai đoạn này được giải quyết không nhiều.

- Các chính sách này chưa hỗ trợ được hết tất cả các đối tượng, chủ yếu chỉ tập trung vào đối tượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi hoặc không đủ tuổi tái cử, tái bổ nhiệm...; các đối tượng còn lại được hỗ trợ thôi việc theo nguyện vọng tương đối thấp, do đó không khuyến khích được số lượng lớn cán bộ, công chức, viên chức, người lao độngthôi việc ngay theo nguyện vọng.

- Nhìn chung mức hỗ trợ CBCC cấp xã còn đang thấp; chưa có chính sách quy định mức hỗ trợ đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư do sắp xếp, sáp nhập các ĐVHC cấp xã, trừ một số chính sách của Trung ương có quan tâm đến một số chức danh thuộc những người hoạt động không chuyên trách cấp xã (Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh, Phó Trưởng Công an, Phó Ban Chỉ huy quân sự) nhưng không đáng kể..

- Chưa có chính sách nào của tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước để hỗ trợ thôi việc đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã.

Để khắc phục các tồn tại, hạn chế của các chính sách trong thời gian qua, cần thiết ban hành chính sách mới để đẩy mạnh tinh giản biên chế trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị quyết 18/NQ-TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương, đồng thời làm tiền đề để thực hiện chính sách cải cách tiền lương bắt đầu từ năm 2021.

 **III. Căn cứ pháp lý xây dựng đề án.**

**- Chủ trương, chính sách của Đảng**

+ Nghị Quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Ban Chấp hành Trung ương về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;

+ Nghị quyết 18/NQ-TW ngày 25/10/2017 **Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;**

+ Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

+ Kế hoạch số 07-KH/TW ngày 27/11/2017 của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quỵết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

+ Chương trình hành động số 920-CTr/TU ngày 31/01/2018 và Chương trình hành động số 1011-CTr/TU ngày 03/5/2018 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh;

+ Kết luận số 05-KL/TU ngày 29/6/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về một số chủ trương nâng cao năng lực, đổi mới phương thức lãnh đạo của Ðảng về sắp xếp, tinh giản bộ máy, biên chế, hoạt động hiệu lực, hiệu quả của các cơ quan, đơn vị; Kết luận số 92-KL/TU ngày 03/10/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về một số vấn đề tiếp tục thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW, Nghị quyết 19-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương (khóa XII); Kết luận số 73-KL/TU ngày 05/7/2018 của Tỉnh ủy Hà Tĩnh về đề án sắp xếp tinh giản bộ máy, biên chế, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động ngành y tế Hà Tĩnh và Đề án thực hiện chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2018-2020 và những năm tiếp theo;

 **- Quy định pháp luật của Trung ương, của tỉnh.**

 + Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

 + Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

+ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/12/2015;

+ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008;

+ Luật viên chức ngày 15/11/2010;

+ Luật Bảo hiểm xã hội;

+ Nghị quyết số 56/2017/QH14ngày 24/11/2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

+ Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 19;

+ Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 18;

+ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP;

+ Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức;

+ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về tinh giản biên chế; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP;

+ Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ quy định về chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội;

+ Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh Cựu chiến binh;

+ Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Công an xã;

+ Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ;

+ Nghị quyết số 26/2011/NQ-HÐND ngày 16/12/2011 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt Ðề án sắp xếp, kiện toàn các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, ban quản lý dự án, tổ chức hội;

+ Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 về việc thông qua Kế hoạch tinh giản biên chế công chức, viên chức cấp tỉnh, cấp huyện giai đoạn 2016 - 2021.

+ Nghị quyết số 69/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh về kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ năm 2018 của HĐND tỉnh;

+ Nghị quyết số 94/2018/NQ-HĐND ngày 16/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về một số chính sách thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế ngành Y tế Hà Tĩnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo;

+ Nghị quyết số 96/2018/NQ-HĐND ngày 16/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về phát triển giáo dục mầm non và phổ thông tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo;

+ Nghị quyết số 98/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về củng cố, phát triển hệ thống mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn đến 2030;

+ Quyết định số 25/2010/QĐ-UBND ngày 09/12/2010 của UBND tỉnh về quy định chức danh, số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; số lượng, chức danh, chế độ phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố; Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 của UBND tỉnh Quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp của những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố theo Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ.

 + Quyết định số 3435/QĐ-UBND ngày 04/9/2015 của UBND tỉnh về việc quy định chính sách hỗ trợ đóng BHXH, bảo hiểm y tế cho cán bộ cấp xã không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức danh lãnh đạo nhiệm kỳ 2015 - 2020 trên địa bàn tỉnh.

+ Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 22/3/2012 của UBND tỉnh về sáp nhập thôn, tổ dân phố;

+ Kế hoạch số 178/KH-UBND ngày 4/6/2018 của của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017;

+ Văn bản số 4603/UBND-NC­1 ngày 07/8/2018 về việc triển khai thực hiện các chương trình hành động và kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 18,19.

**PHẦN THỨ HAI:**

**NỘI DUNG ĐỀ ÁN**

**I. Quy định chung.**

**1. Tên Đề án**: Quy định tạm thời về một số chính sách của tỉnh Hà Tĩnh hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong quá trình sắp xếp tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế giai đoạn 2019-2021;

## 2. Mục tiêu xây dựng Đề án

Xây dựng chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, người lao động trong quá trinh tinh giản biên chế, sắp xếp tinh gọn bộ máy tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2019-2021

**3. Định hướng, nguyên tắc xây dựng chính sách**

Trên cơ sở đánh giá rà soát và dự kiến các số liệu về kết quả việc tinh giản biên chế sau khi thực hiện săp xếp bộ máy theo tinh thần ghị quyết 18,19-NQ/TW kỳ họp thứ 6 Ban chấp hành trung ương khóa XII, định hướng xây dựng chính sách riêng của tỉnh đối với các đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, cán bộ bán chuyên trách cấp xã không thuộc đối tượng nghỉ tinh giản biên chế theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP, Nghị định 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 108/2014/NĐ-CP và có nguyện vọng nghỉ việc; hỗ trợ đối với các đối tượng thuộc diện nghỉ tinh giản theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP, Nghị định 113/2018/NĐ-CP nhưng không được hỗ trợ về tiền. Chính sách này được xây dựng trên các nguyên tắc sau:

 - Việc ban hành chính sách gắn liền với việc thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các nghị quyết 18,19-NQ/TW ngày 25/10/2017 **Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;** Nghị Quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Ban Chấp hành Trung ương về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP;

 - Do sự khác biệt về chế độ, chính sách, hệ thống quy phạm pháp luật điều chỉnh giữa cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã, tại Đề án này, theo đối tượng điều chỉnh sẽ phân ra hai chính sách riêng biệt: Chính sách đối với đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cấp huyện, cấp tỉnh; Chính sách đối với cán bộ công chức cấp xã, cán bộ bán chuyên trách cấp xã;

- Riêng đối với ngành giáo dục và đào tạo, ngành y tế tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 94/2018/NQ-HĐND ngày 16/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về một số chính sách thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế ngành Y tế Hà Tĩnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo; Nghị quyết số 96/2018/NQ-HĐND ngày 16/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về phát triển giáo dục mầm non và phổ thông tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo.

- Xây dựng một chính sách thúc đẩy số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nghỉ chế độ theo chính sách tinh giản biên chế do tỉnh xây dựng, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, hoạt động đơn vị sự nghiệp;

- Phù hợp với khả năng chi trả của ngân sách địa phương.

 **4. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong việc thực hiện sắp xếp bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh:

- Các cơ quan, tổ chức hành chính của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cấp xã;

- Các đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội;

- Các hội được giao biên chế và ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí để trả lương.

**II. Nội dung chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cấp tỉnh, cấp huyện.**

**1. Đối tượng áp dụng**:Các đối tượng sau tự nguyện nghỉ theo chính sách của tỉnh, được cơ quan có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản:

- Cán bộ, công chức từ cấp tỉnh đến cấp huyện.

- Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập; Hội.

- Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp và theo các quy định khác của pháp luật.

- Người làm việc trong biên chế được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao tại các hội.

- Các đối tượng thuộc đơn vị, tổ chức được Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý cho hợp đồng lao động hoặc hỗ trợ tiền lương, phụ cấp.

**2. Nội dung chính sách cụ thể:**

**2.1. Xây dựng chính sách hỗ trợ đối với các đối tượng thuộc diện nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP, Nghị định 113/2018/NĐ-CP nhưng không được hỗ trợ về tiền:**

a) Điều kiện áp dụng: Những người là đối tượng áp dụng quy định tại Mục 1 Phần thứ II Đề án này đồng thời thuộc đối tượng áp dụng, đủ điều kiện nghỉ tinh giản theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP, Nghị định 113/2018/NĐ-CP có tuổi đời từ 58 tuổi đến đủ 59 tuổi đối với nam, từ 53 tuổi đến đủ 54 tuổi đối với nữ, có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên, có nguyện vọng nghỉ việc **.**

b) Mức hỗ trợ:

+ Được trợ cấp 5 tháng tiền lương cho hai mươi năm đầu công tác, có đóng đủ bảo hiểm xã hội;

+ Từ năm 21 trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội được trợ cấp ½ tháng tiền lương.

**2.2. Xây dựng chính sách hỗ trợ đối với các đối tượng không thuộc diện nghỉ tinh giản biên chế theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP, Nghị định 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 108/2014/NĐ-CP nhưng có nguyện vọng nghỉ việc**: gồm các chính sách cụ thể sau:

**a)** **Chính sách hỗ trợ cho đối tượng nghỉ hưu trước tuổi do suy giảm khả năng lao động:**

- Điều kiện áp dụng: Những người là đối tượng áp dụng quy định tại Mục 1 Phần thứ II Đề án này không thuộc đối tượng nghỉ tinh giản biên chế theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP, Nghị định 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 108/2014/NĐ-CP, nếu đủ điều kiện nghỉ hưu theo Điều 55 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, ngoài chính sách quy định nếu có nguyện vọng nghỉ việc được tỉnh hỗ trợ như sau:

- Mức hỗ trợ:

+ Được trợ cấp 3 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với quy định về tuổi tối thiểu tại Điểm a Khoản 1 Điều 54 Luật Bảo hiểm xã hội;

+ Được trợ cấp 5 tháng tiền lương cho hai mươi năm đầu công tác, có đóng đủ bảo hiểm xã hội;

+ Từ năm 21 trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội được trợ cấp ½ tháng tiền lương.

**b) Chính sách thôi việc ngay:**

- Điều kiện áp dụng: Những người là đối tượng áp dụng quy định tại Mục 1 Phần thứ II Đề án này có tuổi đời dưới dưới 55 tuổi đối với nam, dưới 50 tuổi đối với nữ và không đủ điều kiện để hưởng chính sách thôi việc ngay theo quy định tại Nghị định 108/2014/NĐ-CP, Nghị định 113/2018/NĐ-CP

- Mức hỗ trợ:

+ Được trợ cấp 6 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm;

+ Được trợ cấp 1 tháng tiền lương cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội;

+ Được bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội và cấp sổ bảo hiểm xã hội hoặc nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội; được hưởng chính sách thôi việc theo quy định tại Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức và Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

**c) Chính sách hỗ trợ đào tạo lại.**

- Điều kiện áp dụng:

Những người là đối tượng áp dụng quy định tại Mục 1 Phần thứ II Đề án này tuổi đời dưới 40 tuổi, có sức khỏe, tinh thần trách nhiệm và ý thức tổ chức kỷ luật nhưng đang đảm nhận các công việc không phù hợp về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo lại để bố trí việc làm phù hợp.

- Mức hỗ trợ:

+ Quyền lợi: áp dụng Khoản 1, Điều 37 của Nghị định 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

+ Trong thời gian được cử đi đào tạo, bồi dưỡng được hưởng nguyên lương, phụ cấp thâm niên nếu có;

+ Được hỗ trợ chi phí dịch vụ đào tạo;

+ Được hỗ trợ tiền mua tài liệu bắt buộc;

+ Được hỗ trợ chi phí đi lại theo giá xe khách tại thời điểm đi học, có khoảng cách từ cơ quan đến nơi học tập từ 25 km trở lên, mỗi năm học hỗ trợ 2 lượt đi và về.

**d) Chính sách đối với đối tượng thuộc đơn vị, tổ chức được Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh giao biên chế hợp đồng lao động hoặc hỗ trợ tiền lương, phụ cấp. (gọi chung là hợp đồng lao động)**

- Điều kiện áp dụng.

Hợp đồng lao động theo các văn bản sau:

+ Quyết định 2059/QĐ-UBND ngày 09/7/2013 của UBND tỉnhBan hành Quy định chế độ chính sách đối với giáo viên làm việc theo chế độ hợp đồng lao động tại các trường mầm non công lập, bán công, dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

+ Quyết định 3604/QĐ-UBND ngày 24/11/2014 của UBND tỉnh ban hành quy định tạm thời về giải quyết việc làm đối với con liệt sỹ, con thương binh nặng, con bệnh binh nặng trên địa bàn tỉnh

+ Quyết định 2531/QĐ-UBND ngày 28/08/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định hợp đồng sinh viên tốt nghiệp đại học loại giỏi, thạc sỹ ngành sư phạm giảng dạy tại các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh.

+ Hợp đồng khác theo chủ trương, chính sách của HĐND, UBND tỉnh.

**- Mức hỗ trợ:**

**II. Chính sách cho cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách cấp xã.**

***1. Đối tượng áp dụng***

- Cán bộ của các ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp, sáp nhập từ nay đến 2021 và cán bộ cấp xã khác liên quan đến sắp xếp đội ngũ CBCC cấp xã trong quá trình sắp xếp, sáp nhập các ĐVHC cấp xã;

- Công chức cấp xã của tất cả các xã, phường, thị trấn;

- Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã của tất cả các xã, phường, thị trấn.

***2. Chính sách hỗ trợ đặc thù của tỉnh từ nay đến 2021:***

***2.1. Đối với cán bộ cấp xã của các ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp, sáp nhập từ nay đến 2021 và cán bộ cấp xã khác liên quan đến sắp xếp đội ngũ CBCC cấp xã trong quá trình sắp xếp, sáp nhập các ĐVHC cấp xã:***

- Thời gian thực hiện chính sách: từ 01/01/2019 đến 31/3/2020 (15 tháng); sau thời điểm 31/3/2020, cán bộ cấp xã thuộc diện dôi dư do sắp xếp, sáp nhập các ĐVHC cấp xã mà không thể bố trí được công việc khác phù hợp thì bắt buộc phải nghỉ công tác ngay, không áp dụng hỗ trợ chính sách đặc thù của tỉnh mà chỉ được hưởng chính sách quy định tại Nghị định 108/2014/NĐ-CP và Nghị định 113/2018/NĐ-CP của Chính phủ do dôi dư.

- Điều kiện áp dụng chính sách và mức hỗ trợ: Trong quá trình sắp xếp, sáp nhập các ĐVHC cấp xã từ nay đến 2021, cán bộ cấp xã có nguyện vọng nghỉ công tác trong khoảng thời gian từ 01/01/2019 đến 31/3/2020 và được cơ quan có thẩm quyền đồng ý thì ngoài việc được hưởng các chế độ, chính sách hiện hành theo quy định của Trung ương, còn được hưởng chính sách hỗ trợ đặc thù của tỉnh với mức hỗ trợ như sau:

+ Được hỗ trợ số tháng tiền lương hiện hưởng[[1]](#footnote-1) (tính từ thời điểm cán bộ có nguyện vọng nghỉ công tác và được cơ quan có thẩm quyền quyết định đến thời điểm 31/3/2020).

+ Được hỗ trợ một (1,0) tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng BHXH.

- Đối với cán bộ cấp xã trong khoảng thời gian từ 01/01/2019 đến 31/3/2020 mà đủ 60 tuổi đối với nam và đủ 55 tuổi đối với nữ nếu có nguyện vọng nghỉ công tác trước thời điểm đến khi đủ tuổi nghỉ hưu hoặc đủ điều kiện khác để được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của Trung ương (nghỉ hưu đúng tuổi, nghỉ hưu trước tuổi theo quy định tại Nghị định 108/2014/NĐ-CP và 113/2018/NĐ-CP, nghỉ do hết tuổi lao động) và được cơ quan có thẩm quyền đồng ý thì được tỉnh hỗ trợ nghỉ chờ. Trong thời gian nghỉ chờ (số tháng nghỉ trước thời điểm phải nghỉ - đủ 60 tuổi đối với nam và đủ 55 tuổi đối với nữ) cán bộ được hưởng nguyên lương và tiếp tục được đóng BHXH, BHYT theo quy định. Trong trường hợp cán bộ không có nguyện vọng tiếp tục nghỉ chờ mà muốn nghỉ công tác và được giải quyết chế độ ngay ở bất kỳ thời điểm nào trong giai đoạn nghỉ chờ thì được tỉnh hỗ trợ một lần bằng số tháng tiền lương hiện hưởng còn lại từ thời điểm chấm dứt nghỉ chờ đến khi cán bộ đủ 60 tuổi đối với nam và đủ 55 tuổi đối với nữ, không tiếp tục đóng BHXH, BHYT.

- Đối với cán bộ cấp xã đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi theo quy định tại Nghị định 108/2014/NĐ-CP và 113/2018/NĐ-CP nhưng không thuộc đối tượng đủ 60 tuổi đối với nam và đủ 55 tuổi đối với nữ trong khoảng thời gian từ 01/01/2019 đến 31/3/2020 mà có nguyện vọng nghỉ công tác thì ngoài việc được hưởng chính sách nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP và 113/2018/NĐ-CP, chỉ được tỉnh hỗ trợ số tháng tiền lương hiện hưởng (tính từ thời điểm cán bộ có nguyện vọng nghỉ công tác và được cơ quan có thẩm quyền ra quyết định đến thời điểm 31/3/2020).

- Cơ sở xây dựng chính sách:

+ Thứ nhất về thời gian thực hiện chính sách: Việc sắp xếp, sáp nhập các ĐVHC cấp xã từ nay đến 2021 cần phải được thực hiện xong trước thời điểm tổ chức đại hội Đảng bộ cấp xã nhiệm kỳ 2020-2025 (trước tháng 6/2020), do đó chậm nhất trước 31/3/2020 công tác nhân sự dự kiến bầu cử vào các chức vụ cán bộ cấp xã (nhất là các chức vụ được cơ cấu cấp ủy cấp xã nhiệm kỳ 2020-2025) phải hoàn thành. Đối với cán bộ cấp xã thuộc các ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp, sáp nhập này nếu không bố trí được công việc khác phù hợp trước 3/2020 thì bắt buộc phải nghỉ công tác do dôi dư ngay sau khi ĐVHC cấp xã mới được hình thành (kể cả cán bộ đủ tuổi tái cử cấp ủy hoặc không đủ tuổi tái cử cấp ủy). Như vậy, chính sách đặc thù của tỉnh áp dụng đối với đội ngũ cán bộ của các ĐVHC cấp xã trong diện sắp xếp, sáp nhập trước 2021 có nguyện vọng nghỉ công tác thực hiện từ 01/01/2019 đến 31/3/2020 là phù hợp.

+ Thứ hai về cơ sở xây dựng mức hỗ trợ của tỉnh: Theo như phân tích ở trên về thời gian thực hiện chính sách đặc thù của tỉnh thì từ tháng 01/2019 đến tháng 03/2020, nếu không thực hiện sắp xếp, sáp nhập các ĐVHC cấp xã thì các cán bộ cấp xã của các ĐVHC này vẫn có cơ hội được tiếp tục công tác ở thời gian tiếp theo; hơn nữa dù sắp xếp, sáp nhập các ĐVHC cấp xã hay không thì ngân sách nhà nước vẫn phải chi trả tiền lương hiện hưởng cho cán bộ xã đang công tác từ 01/2019 đến 3/2020, do đó việc hỗ trợ số tháng tiền lương hiện hưởng (tính từ thời điểm cán bộ bắt đầu có nguyện vọng nghỉ công tác và được cơ quan có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản đến thời điểm 31/3/2020) là hợp lý, đáp ứng được tâm tư nguyện vọng của đối tượng, đồng thời thúc đẩy nhanh quá trình tự nguyện nghỉ công tác của đội ngũ này (tự nguyện nghỉ càng sớm thì vừa không phải tiếp tục đi làm, vừa được nhận nguyên tiền lương hiện hưởng cho số tháng nghỉ sớm đó). Ngoài ra, chính sách đặc thù của tỉnh còn hỗ trợ thêm một khoản để ghi nhận quá trình cống hiến của cán bộ xã, đó là: được hỗ trợ một (1,0) tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng BHXH.

***2.2. Đối với công chức cấp xã của tất các các xã, phường, thị trấn:***

- Thời gian thực hiện chính sách: từ 01/01/2019 đến 31/12/2021 (36 tháng). sau thời điểm 31/12/2021, công chức cấp xã thuộc diện dôi dư mà không thể bố trí được công việc khác phù hợp thì bắt buộc phải nghỉ công tác ngay (thực hiện sát hạch để xác định số công chức dôi dư không đáp ứng được yêu cầu thực hiện nhiệm vụ), khi đó không áp dụng hỗ trợ chính sách đặc thù của tỉnh mà chỉ được hưởng chính sách theo quy định của Trung ương do dôi dư (nếu có).

- Điều kiện áp dụng chính sách và mức hỗ trợ: Trong quá trình sắp xếp, sáp nhập các ĐVHC cấp xã từ nay đến 2021 và bố trí số lượng công chức cấp xã lộ trình từ nay đến 2021 theo hướng giảm như tại Kết luận số 92-KL/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, công chức cấp xã có nguyện vọng nghỉ công tác trong khoảng thời gian từ 01/01/2019 đến 31/12/2021 và được cơ quan có thẩm quyền đồng ý thì ngoài việc được hưởng các chế độ, chính sách hiện hành theo quy định của Trung ương, còn được hưởng chính sách hỗ trợ đặc thù của tỉnh với mức hỗ trợ như sau:

+ Được hỗ trợ số tháng tiền lương hiện hưởng (tính từ thời điểm công chức có nguyện vọng nghỉ công tác và được cơ quan có thẩm quyền quyết định đến thời điểm 31/12/2021).

+ Được hỗ trợ một (1,0) tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng BHXH.

- Đối với công chức cấp xã trong khoảng thời gian từ 01/01/2019 đến 31/12/2021 mà đủ 60 tuổi đối với nam và đủ 55 tuổi đối với nữ nếu có nguyện vọng nghỉ công tác trước thời điểm đến khi đủ tuổi nghỉ hưu hoặc đủ diều kiện khác để được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của Trung ương (nghỉ hưu đúng tuổi, nghỉ hưu trước tuổi theo quy định tại Nghị định 108/2014/NĐ-CP và 113/2018/NĐ-CP, nghỉ thôi việc theo Nghị định 46/2010/NĐ-CP, nghỉ do hết tuổi lao động) và được cơ quan có thẩm quyền đồng ý thì được tỉnh hỗ trợ nghỉ chờ. Trong thời gian nghỉ chờ (số tháng nghỉ trước thời điểm phải nghỉ - đủ 60 tuổi đối với nam và đủ 55 tuổi đối với nữ) công chức được hưởng nguyên lương và tiếp tục được đóng BHXH, BHYT theo quy định. Trong trường hợp công chức không có nguyện vọng tiếp tục nghỉ chờ mà muốn nghỉ công tác và được giải quyết chế độ ngay ở bất kỳ thời điểm nào trong giai đoạn nghỉ chờ thì được tỉnh hỗ trợ một lần bằng số tháng tiền lương hiện hưởng còn lại từ thời điểm chấm dứt nghỉ chờ đến khi công chức đủ 60 tuổi đối với nam và đủ 55 tuổi đối với nữ, không tiếp tục đóng BHXH, BHYT.

- Đối với công chức cấp xã đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi theo quy định tại Nghị định 108/2014/NĐ-CP và 113/2018/NĐ-CP nhưng không thuộc đối tượng đủ 60 tuổi đối với nam và đủ 55 tuổi đối với nữ trong khoảng thời gian từ 01/01/2019 đến 31/12/2021 mà có nguyện vọng nghỉ công tác và được cơ quan có thẩm quyền đồng ý thì ngoài việc được hưởng chính sách nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP và 113/2018/NĐ-CP, chỉ được tỉnh hỗ trợ số tháng tiền lương hiện hưởng (tính từ thời điểm công chức có nguyện vọng nghỉ công tác và được cơ quan có thẩm quyền quyết định đến thời điểm 31/12/2021).

- Cơ sở xây dựng chính sách:

+ Thứ nhất về thời gian thực hiện chính sách: thực hiện theo đúng chủ trương của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh từ nay đến 2021, phù hợp với quá trình sắp xếp, sáp nhập các ĐVHC cấp xã, lộ trình tinh giản biên chế đối với đội ngũ công chức cấp xã từ nay đến 2021. Hơn nữa đội ngũ công chức cấp xã khác với đội ngũ cán bộ cấp xã, đó là không bầu cử và hoạt động theo nhiệm kỳ, do đó công chức cấp xã vẫn có thể chấp nhập bố trí số lượng dôi dư trong một khoảng thời gian nhất định, sau đó tinh giản biên chế theo lộ trình. Như vậy, chính sách đặc thù của tỉnh áp dụng đối với đội ngũ công chức cấp xã có nguyện vọng nghỉ công tác thực hiện từ 01/01/2019 đến 31/12/2021 là phù hợp.

+ Thứ hai về cơ sở xây dựng mức hỗ trợ của tỉnh: như cơ sở xây dựng mức hỗ trợ đối với đội ngũ cán bộ cấp xã ở trên.

***2.3. Đối với những người hoạt động không chuyên trách của tất các các xã, phường, thị trấn:***

- Thời gian thực hiện chính sách: từ 01/01/2019 đến 31/7/2019 (07 tháng) đối với 262 xã, phường, thị trấn hiện có. Sau đó, tiếp tục kéo dài thời gian thực hiện chính sách đến 31/3/2020 đối với các ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp, sáp nhập từ nay đến 2021.

- Điều kiện áp dụng chính sách và mức hỗ trợ: Trong quá trình sắp xếp, sáp nhập các ĐVHC cấp xã từ nay đến 2021 và bố trí số lượng những người hoạt động không chuyên trách cấp xã lộ trình từ nay đến 2021 theo hướng giảm như tại Kết luận số 92-KL/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, những người hoạt động không chuyên trách cấp xã có nguyện vọng nghỉ công tác trong khoảng thời gian từ 01/01/2019 đến 31/7/2019 đối với 262 xã, phường, thị trấn hiện có; tiếp tục kéo dài đến 31/3/2020 đối với các ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp, sáp nhập từ nay đến 2021 và được cơ quan có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản thì được hưởng chính sách hỗ trợ đặc thù của tỉnh với mức hỗ trợ như sau:

+ Được hỗ trợ 10 tháng lương cơ sở (tính mức tiền lương cơ sở tại thời điểm 01/01/2019) đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã có thời gian công tác từ đủ 30 tháng trở lên;

+ Được hỗ trợ 05 tháng lương cơ sở (tính mức tiền lương cơ sở tại thời điểm 01/01/2019) đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã có thời gian công tác từ đủ 03 tháng đến dưới 30 tháng;

- Riêng đối với Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh, Phó Trưởng Công an, Phó Ban Chỉ huy quân sự cấp xã nếu đủ điều kiện được hưởng các chính sách thôi việc của Trung ương quy định tại Nghị định số 150/2006/NĐ-CP, Nghị định số 73/2009/NĐ-CP, Nghị định số 03/2016/NĐ-CP của Chính phủ mà mức hỗ trợ cao hơn hoặc bằng mức hỗ trợ của tỉnh thì chỉ nhận được hỗ trợ từ Trung ương; trong trường hợp mức hỗ trợ thôi việc của Trung ương thấp hơn mức hỗ trợ của tỉnh thì ngân sách tỉnh sẽ bù khoản hỗ trợ còn thiếu để bằng mức hỗ trợ ngân sách tỉnh.

- Cơ sở xây dựng chính sách:

+ Thứ nhất về thời gian thực hiện chính sách: Xuất phát từ thực tế những người hoạt động không chuyên trách cấp xã cần giảm số lượng và kiện toàn càng sớm càng tốt, đồng thời không thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật Cán bộ, công chức, ngoài phụ cấp khi thực hiện nhiệm vụ không chuyên trách còn có thời gian để tăng thêm thu nhập cho bản thân bằng những công việc khác, do đó đề xuất chính sách đặc thù của tỉnh chỉ hỗ trợ đội ngũ này trong thời gian 7 tháng là hợp lý (từ 01/01/2019 đến 31/7/2019 - nhằm trùng khớp với lộ trình quy định tại Kết luận số 92-KL/TU của BTV Tỉnh ủy về hoàn thành việc bố trí số lượng cán bộ thôn, tổ dân phố người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố). Sau khi kiện toàn đội ngũ này đối với 262 xã, phường, thị trấn, tiếp tục kéo dài thực hiện chính sách đến 31/3/2020 đối với các ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp, sáp nhập là phù hợp.

+ Thứ hai về cơ sở xây dựng mức hỗ trợ của tỉnh: đối với đội ngũ này chỉ có một số rất ít chức danh và đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ thôi việc theo quy định của Trung ương, do đó việc cân đối hỗ trợ của tỉnh phần lớn hoàn toàn phụ thuộc ngân sách tỉnh. Mặt khác, đây là đối tượng hưởng phụ cấp từ ngân sách nhà nước, không hưởng lương như đội ngũ CBCC cấp xã, trong khi đó quá trình tham gia đóng BHXH bắt buộc mới được thực hiện từ 01/01/2016, do đó thời gian tham gia BHXH đến nay chưa nhiều, theo đó đối tượng tham gia thực hiện nhiệm vụ không chuyên trách ở cấp xã thường không liên tục, thay đổi nhân sự thường xuyên, khó theo dõi chính xác được quá trình công tác, cống hiến của mỗi người; việc người hoạt động không chuyên trách có thời gian tham gia công tác ít, độ tuổi còn trẻ nhưng lại còn thời gian, cơ hội cống hiến được nhiều hơn; ngược lại người hoạt động không chuyên trách có thời gian tham gia công tác nhiều hơn, độ tuổi già hơn nên thời gian còn lại để có cơ hội cống hiến sẽ ít hơn, do đó việc đề xuất mức hỗ trợ như trên là tương đối và phù hợp với nguồn ngân sách tỉnh ở giai đoạn hiện nay.

**III Đánh giá hiệu quả của Đề án**

**1. Chính sách đối với cấp huyện, cấp tỉnh**

 **1.1. Hiệu quả quản lý nhà nước**

Trên cơ sở tổng hợp nhu cầu từ các cơ quan, đơn vị trên địa bàn toàn tỉnh, dự kiến số lượng cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế, lao động hợp đồng nghỉ việc như sau (thống kê chưa bao gồm cán bộ, công chức, viên chức khối đảng, đoàn thể)

- Công chức: 20

- Viên chức: 242

- Lao động hợp đồng theo Nghị định 68: 8

Riêng đối với lao động hợp đồng theo khác theo quyết định cơ quan nhà nước có thẩm quyền là 1689 người: 272 hợp đồng theo Quyết định 240/QĐ-UBND; 912 hợp đồng theo Quyết định 2059/QĐ-UBND; 140 hợp đồng theo Quyết định 3604/QĐ-UBND; 47 hợp đồng theo Quyết định 2531/QĐ-UBND; 256 hợp đồng theo hướng dẫn 139/HD-SNV; 61 hợp đồng khác. Việc xem xét cắt giảm số lao động tùy theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

 Thực hiện Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 05/1/2018 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non; đối với số 912 hợp đồng theo Quyết định 2059/QĐ-UBND ngày 09/7/2013 của UBND tỉnhBan hành Quy định chế độ chính sách đối với giáo viên làm việc theo chế độ hợp đồng lao động tại các trường mầm non công lập, bán công, dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh tạm thời không đưa vào để tính tổng tiền chi ngân sách. Ngoài ra, xem xét không đưa vào số hợp đồng lao động theo Quyết định số 240/QĐ-UBND do đã được Nghị quyết số 96/NQ-HĐND điều chỉnh; hợp đồng lao động theo Hướng dẫn số 139/HD-SNV của Sở Nội vụ. Do đó, tổng lao động hợp đồng dự kiến đưa vào diện thôi việc ngay là: 248 người

Vậy, tổng số cán bộ, công chức, viên chức dự kiến giảm 270 người; lao động hợp đồng dự kiến giảm: 248 người.

Việc tinh giảm số lượng người trên, tương ứng giảm chi ngân sách như sau:

Cán bộ, công chức, viên chức: 7,3tr/người/tháng\*12 tháng \* 270 người = 23.652.000.000/năm (hai mươi ba tỉ, sáu trăm năm mươi hai triệu đồng)

Hợp đồng lao động: 3,2tr/người/tháng \*12 tháng \* 248 người = 9.532.200.000/năm (chín tỷ năm trăm ba mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng)

Tổng giảm chi ngân sách do chi lương, hỗ trợ = 23.652.000.000 + 9.532.200.000 = 33.175.200.000 (ba mươi ba tỷ một trăm bảy mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng)

**1.2. Chi ngân sách cho thực hiện chính sách**

**a) Đối tượng dự kiến nghỉ hưu trước tuổi từ đủ 58-59 tuổi đối với nam; 53 đến 54 đối với nữ: 151 người;**

Trung bình trên 20 năm đóng BHXH, theo Thông tư số 01/2015 /TTLT-BNV-BTC và cách tính hưởng tại chính sách, ước tính số tiền tương đương cho mỗi biên chế tinh giản theo diện nghỉ hưu trước tuổi như sau:

Mức hưởng cao nhất tương đương khoảng 100.000.000, mức thấp nhất tương đương khoảng 25.000.000. Mức bình quân chi cho đối tượng này là 62.000.000 đồng.

***Ước tính số tiền ngân sách chi = 62.000.000\* 151 người= 9.362.000.000***

**b) Đối tượng dự kiến nghỉ hưu trước tuổi do mất sức lao động:** 42 người.

Dự kiến mức hưởng cao nhất khoảng 190.000.000, mức hưởng thấp nhất khoảng 40.000.000. Mức trung bình chung là 115.000.000

***Ước tính số tiền ngân sách chi=115.000.000 \*42 =4.830.000.000***

**c) Đối tượng dự kiến thôi việc ngay: 60 người.**

 Theo Thông tư số 01/2015/TTLT-BNV-BTC và cách tính hưởng tại chính sách, ước tính số tiền tương đương cho mỗi biên chế tinh giản theo diện thôi việc ngay như sau:

 Mức hưởng cao nhất tương đương khoảng 160.000.000, mức thấp nhất tương đương khoảng 40.000.000. Mức bình quân chi cho đối tượng này là khoảng 100.000.0000 đồng.

 ***Ước tính số tiền ngân sách chi = 100.000.000\* 60 người= 6.000.000.000***

**d) Đối tượng đào tạo lại: 194 người**

 Áp dụng Khoản 1, Điều 37 Nghị định 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017; Điều 4 Thông tư 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức:

 - Chi phí dịch vụ đào tạo, chi phí triển khai nhiệm vụ nghiên cứu và các chi phí (bắt buộc) khác (nếu có) liên quan đến khóa đào tạo phải trả cho các cơ sở đào tạo ở trong nước: 1.000.000/người

 - Hỗ trợ kinh phí mua tài liệu học tập bắt buộc: 500.000 đ/người

 - Hỗ trợ một phần tiền ăn trong thời gian đi học tập trung: 30.000đ/người/ngày. Tính trung bình khóa học đào tạo lại là 1,5 năm (547 ngày) thì tiền ăn hỗ trợ là 16.410.000

 - Hỗ trợ chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập (một lượt đi và về; nghỉ lễ; nghỉ tết); chi thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ cho cán bộ, công chức, viên chức trong những ngày đi tập trung học tại cơ sở đào tạo (trong trường hợp cơ sở đào tạo và đơn vị tổ chức đào tạo xác nhận không bố trí được chỗ nghỉ): 200.00đ/lượt \* 4 = 800.000đ/người

 - Cán bộ, công chức, viên chức là nữ, là người dân tộc thiểu số được cử đi đào tạo được hưởng các chính sách, chế độ theo quy định của pháp luật về bình đẳng giới và công tác dân tộc: hỗ trợ thêm 1 tháng 100.000đ, tương đương trong 1,5 học (18 tháng) là 1.800.000 đ/người.

 Tổng chi trung bình một người cử đi đào tạo lại: 20.510.000 (hai mươi triệu năm trăm mười nghìn đồng)

 ***Ước tính ngân sách chi = 20.510.000\*194 người= 3.978.940.000.***

 d) Thôi việc ngay đối với hợp đồng lao động

 Đối với hợp đồng theoQuyết định 2059/QĐ-UBND; Quyết định 3604/QĐ-UBND; Quyết định 2531/QĐ-UBND:

 ***Ước tính ngân sách chi: (lấy mức thấp nhất của thôi việc ngay do số năm đóng bảo hiểm xã hội, hệ số lương của đối tượng này thấp): = 40.000.000\*248 người* = 9.920.000.000**

 **Tổng chi ngân sách ước tính cho các chính sách theo dự thảo là: 9.362.000.000+4.830.000.000+6.000.000.000+3.978.940.000+9.920.000.000 = 34.090.940.000 (Ba mươi tư tỉ không trăm chín mươi triệu chín trăm bốn mươi nghìn)**

 **2. Chính sách đối với cấp xã**

***2.1. Đối với cán bộ cấp xã của các ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp, sáp nhập từ nay đến 2021 và cán bộ cấp xã khác liên quan đến sắp xếp đội ngũ CBCC cấp xã trong quá trình sắp xếp, sáp nhập các ĐVHC cấp xã:***

- Dự kiến kinh phí thực hiện chính sách:

+ Tổng số cán bộ cấp xã dôi dư do sắp xếp, sáp nhập các ĐVHC cấp xã từ nay đến 2021 (tính cho giảm 57 xã, trung bình mỗi xã 10 cán bộ): 57 x 10 = 570 cán bộ cấp xã; trong đó có khoảng 50 cán bộ cấp xã đủ 60 tuổi đối với nam, đủ 55 tuổi đối với nữ trong khoảng thời gian từ 01/01/2019 đến 31/3/2020.

+ Một tháng tiền lương hiện hưởng của 01 cán bộ xã trung bình là: 5.000.000/tháng.

+ Số tháng mà 01 cán bộ xã bắt đầu có nguyện vọng nghỉ công tác đến thời điểm 31/3/2020 (trong khoảng từ 01/2019 đến 3/2020) trung bình là: 10 tháng. (cán bộ xã nghỉ trước theo nguyện vọng sớm nhất là vào 01/01/2019 thì có số tháng hưởng lương hiện hưởng nhiều nhất là 15 tháng; cán bộ xã nghỉ trước theo nguyện vọng muộn nhất là vào 01/3/2020 thì có số tháng hưởng lương hiện hưởng ít nhất là 01 tháng).

+ Số năm tham gia BHXH của 01 cán bộ xã trung bình là: 15 năm.

**+ Tổng kinh phí dự kiến thực hiện chính sách này là không quá:**

**(570 - 50) x (5.000.000 x 10 + 1,0 x 5.000.000 x 15) + 50 x 5.000.000 x 10 = 67.500.000.000 đồng** *(Sáu mươi bảy tỷ năm trăm triệu đồng chẵn).* Theo đó, trung bình một cán bộ cấp xã được hỗ trợ **118.421.053** đồng.

***2.2. Đối với công chức cấp xã của tất các các xã, phường, thị trấn:***

- Dự kiến kinh phí thực hiện chính sách:

+ Số công chức cấp xã dôi dư do sắp xếp, sáp nhập các ĐVHC cấp xã từ nay đến 2021 (tính cho giảm 57 xã, trung bình mỗi xã 11 công chức) là: 57 x 11 = 627 công chức; số công chức của (262 - 57) = 205 xã còn lại phải giảm theo lộ trình của Kết luận số 92-KL/TU (đến 2021 mỗi xã giảm 02 công chức) là 205 x 2 = 410 công chức; Như vậy, tổng số công chức dôi dư trong giai đoạn từ nay đến 2021 là: 627 + 410 = 1.037, trong đó có khoảng 107 công chức đủ 60 tuổi đối với nam, đủ 55 tuổi đối với nữ trong khoảng thời gian từ 01/01/2019 đến 31/12/2021.

+ Một tháng tiền lương hiện hưởng của 01 công chức cấp xã trung bình là: 4.500.000/tháng.

+ Số tháng mà 01 công chức cấp xã bắt đầu có nguyện vọng nghỉ công tác đến thời điểm 31/3/2021 (trong khoảng từ 01/2019 đến 12/2021) trung bình là: 24 tháng. (Công chức cấp xã nghỉ trước theo nguyện vọng sớm nhất là vào 01/01/2019 thì có số tháng hưởng lương hiện hưởng nhiều nhất là 36 tháng; công chức cấp xã nghỉ trước theo nguyện vọng muộn nhất là vào 01/12/2021 thì có số tháng hưởng lương hiện hưởng ít nhất là 01 tháng).

+ Số năm tham gia BHXH của 01 công chức cấp xã trung bình là: 15 năm.

**+ Tổng kinh phí dự kiến thực hiện chính sách này là không quá:**

**(1.037 - 107) x (4.500.000 x 24 + 1,0 x 4.500.000 x 15) + 107 x 4.500.000 x 24 = 174.771.000.000 đồng** *(Một trăm bảy mươi tư tỷ bảy trăm bảy mươi mốt triệu đồng chẵn)*. Theo đó, trung bình một công chức cấp xã được hỗ trợ **168.535.198** đồng.

***2.3. Đối với những người hoạt động không chuyên trách của tất các các xã, phường, thị trấn:***

- Dự kiến kinh phí thực hiện chính sách:

+ Số người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư do sắp xếp, sáp nhập các ĐVHC cấp xã từ nay đến 2021 (tính cho giảm 57 xã, trung bình mỗi xã 14 người) là: 57 x 14 = 798 người; số người hoạt động không chuyên trách cấp xã của (262 - 57) = 205 xã còn lại phải giảm theo lộ trình của Kết luận số 92-KL/TU (đến 2021 mỗi xã giảm trung bình 07 người) là 205 x 7 = 1.435 người. Như vậy, tổng số người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư trong giai đoạn từ nay đến 2021 là: 798 + 1.435 = 2.233 người; trong đó có khoảng 133 người có thời gian công tác dưới 30 tháng.

**+ Tổng kinh phí dự kiến thực hiện chính sách này là không quá:**

**(2.233 - 133) x 10 x 1.390.000 + 133 x 5 x 1.390.000 = 30.114.350.000 đồng** *(Ba mươi tỷ một trăm mười bốn triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng chẵn).*

Như vậy,tổng kinh phí thực hiện chính sách tính cho số CBCC cấp xã, người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư với số lượng lớn nhất đều có nguyện vọng nghỉ công tác trước thời điểm yêu cầu tùy theo từng đối tượng thì tổng kinh phí để thực hiện chính sách giai đoạn từ nay đến 2021 là:

**67.500.000.000 + 174.771.000.000 + 30.114.350.000 = 272.385.350.000 đồng** *(Hai trăm bảy mươi hai tỷ ba trăm tám mươi lăm triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng chẵn)*

Giảm số lượng ĐVHC cấp xã từ nay đến 2021 là 57 xã, tương ứng với tiết kiệm được ngân sách chi thường xuyên cho 57 xã này từ nay đến 2021 là: (tính cho 02 năm 2019, 2020 và trung bình mỗi năm chi thường xuyên cho 01 xã là khoảng 3 tỷ đồng/năm):

**57 x 2 x 3.000.000.000 = 342.000.000.000 đồng** *(Ba trăm bốn mươi hai tỷ đồng chẵn)*

Như vậy, dùng nguồn tiết kiệm ngân sách chi thường xuyên cho số xã giảm được bởi sắp xếp, sáp nhập từ nay đến 2021 để chi trả chế độ chính sách đối với CBCC cấp xã, người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư là hết sức cần thiết, theo đó từ nay đến 2021, ngân sách tiết kiệm được là:

 **342.000.000.000 - 272.385.350.000 = 69.614.650.000** *(Sáu mươi chín tỷ sáu trăm mười bốn triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng chẵn)*

***2.4. Đánh giá chung:***

- Khắc phục được những tồn tại, hạn chế của các chính sách Trung ương, của tỉnh trong giai đoạn từ 2015 đến nay.

- Theo phương án đề xuất chính sách hỗ trợ như trên, mức hỗ trợ đặc thù của tỉnh so với mức hỗ trợ của Trung ương theo quy định hiện hành cao hơn. Trong khi đó đối tượng được thụ hưởng chính sách ngoài việc được hưởng chính sách theo quy định hiện hành của Trung ương (như thôi việc ngay, nghỉ hưu trước tuổi...) còn được hỗ trợ thêm theo chính sách đặc thù của tỉnh với mức hỗ trợ tương đối cao, cụ thể là:

+ Chính sách đặc thù của tỉnh hỗ trợ trung bình 01 cán bộ cấp xã của các ĐVHC cấp xã thuộc diện phải sắp xếp, sáp nhập trước 2021 mà tự nguyện nghỉ công tác từ 01/01/2019 đến 31/3/2020 là **118.421.053** đồng.

+ Chính sách đặc thù của tỉnh hỗ trợ trung bình 01 công chức cấp xã mà tự nguyện nghỉ công tác từ 01/01/2019 đến 31/12/2021 là **168.535.198** đồng.

- Với mức hỗ trợ theo chính sách đặc thù của tỉnh như trên đã tạo điều kiện rất lớn cho đối tượng là CBCC cấp xã mà có thời gian tham gia BHXH từ đủ 20 năm trở lên và trong độ tuổi để được nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP và Nghị định 113/2018/NĐ-CP (vì vừa được nghỉ hưu trước tuổi theo 02 Nghị định này, vừa được hỗ trợ theo chính sách đặc thù của tỉnh); đối với các đối tượng còn lại ngoài việc được hưởng chế độ chính sách thôi việc ngay do dôi dư theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP còn được hỗ trợ theo chính sách đặc thù của tỉnh, tạo điều kiện cho các đối tượng là CBCC cấp xã có thời gian tham gia BHXH gần đủ 20 năm và gần đủ tuổi nghỉ hưu thì có điều kiện tiếp tục tham gia BHXH tự nguyện để được hưởng chế độ hưu trí theo quy định pháp luật về BHXH; còn các đối tượng khác thì có kinh phí để hỗ trợ một phần khó khăn trước mắt, nhằm ổn định cuộc sống.

- Tiết kiệm được kinh phí từ ngân sách nhà nước, thúc đẩy nhanh quá trình sắp xếp, sáp nhập các ĐVHC cấp xã gắn liền với tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ CBCC cấp xã.

**PHẦN THỨ BA:**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. **Kinh phí thực hiện**

1. Các đối tượng thuộc cơ quan Đảng, Chính quyền, Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể và đơn vị sự nghiệp (đơn vị do ngân sách nhà nước đảm bảo chi hoạt động thường xuyên và đơn vị đảm bảo một phần chi thường xuyên) do ngân sách tỉnh chi trả.

2 Các đối tượng thuộc các đơn vị tự chủ tài chính (Đơn vị tự đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên) do đơn vị chi trả từ nguồn các cách tiền lương và nguồn thu của đơn vị.

3. Cấp xã: dùng nguồn tiết kiệm ngân sách chi thường xuyên cho số xã giảm được bởi sắp xếp, sáp nhập từ nay đến 2021 để chi trả chế độ chính sách đối với CBCC cấp xã, người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư.

4. Căn cứ nguồn kinh phí theo dự toán được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định và quyết định phê duyệt danh sách đối tượng và mức kinh phí hỗ trợ thôi việc theo nguyện vọng của UBND tỉnh, UBND cấp huyện; Sở Tài chính thực hiện cấp kinh phí cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện chi trả cho các đối tượng theo quy định.

 **II. Trách nhiệm các cơ quan, đơn vị trong thực hiện chính sách**

 1. Trách nhiệm chung

 Khi có quyết định phê duyệt đề án tiếp tục đổi mới, sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy theo Chương trình hành động số 920-CTr/TU ngày 31/01/2018 và Chương trình hành động số 1011-CTr-TU ngày 03/5/2018 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh, Kế hoạch số 178/KH-UBND ngày 4/6/2018 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh về việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thông chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương về sắp xếp một số vấn đề tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập, người đứng đầu các Ban, cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cấp tỉnh, các huyện, thành, thị ủy, Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh; các sở, ban, ngành; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thành phố thị xã; UBND xã, phường, thị trấn:

1.1. Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chính sách hỗ trợ tinh giản biên chế của tỉnh đến cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc quyền quản lý.

1.2. Xây dựng Kế hoạch giải quyết nhân sự theo tổ chức bộ máy mới, đề xuất UBND tỉnh giải quyết những đối tượng, trường hợp thực hiện theo chính sách của tỉnh.

1.3. Lập danh sách và dự toán số tiền trợ cấp cho từng đối tượng hỗ trợ tinh giản biên chế của tỉnh theo định kỳ 6 lần/ năm (2 tháng/1 lần) trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở đề án sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

1.4. Lập danh sách đối tượng hỗ trợ tinh giản biên chế và dự toán kinh phí thực hiện hỗ trợ tinh giản biên chế của Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, Đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh, Các Hội đặc thù gửi Sở Nội vụ và Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh cấp kinh phí thực hiện tinh giản biên chế.

1.5. Cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp cán bộ, công chức, viên chức chi trả tiền hỗ trợ theo chính sách của tỉnh.

2. Trách nhiệm của Sở Nội vụ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy:

2.1. Thẩm tra, tổng hợp danh sách đối tượng tinh giản biên chế trên cơ sở danh sách đối tượng tinh giản biên chế do Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, Đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh gửi đến và gửi Sở Tài chính để làm căn cứ cấp kinh phí thực hiện tinh giản biên chế.

2.2. Đôn đốc, kiểm tra, giám sát các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện Nghị quyết.

2.3. Định kỳ vào tháng 12 hàng năm báo cáo Tỉnh ủy, UBND tỉnh, HĐND tỉnh kết quả thực hiện chính sách.

3. Trách nhiệm của Sở Tài chính:

3.1. Thẩm định và bố trí kinh phí thực hiện chính sách.

3.2. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện.

3.3. Phối hợp Sở Nội vụ kiểm tra, giám sát các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện Nghị quyết

4. Trách nhiệm của Bảo hiểm xã hội tỉnh

4.1 Hướng dẫn nghiệp vụ, chỉ đạo Bảo hiểm xã hội các huyện, thị xã, thành phố thực hiện xác định quá trình đóng bảo hiểm của người lao đọng để có cơ sở lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách

4.2. Giải quyết chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội đối với người lao động.

 Trên đây là Đề án Về một số chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người lao độngtrong quá trình sắp xếp tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2019-2021, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Thường trực Tỉnh ủy;- Thường trực HĐND tỉnh;- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh- Các đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh;- Các hội đặc thù cấp tỉnh;- UBND các huyện, thành phố, thị xã;- Lưu: VT, CCVC;- Gửi: Bản giấy + bản điện tử | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN****CHỦ TỊCH****Đặng Quốc Khánh** |

1. Tiền lương hiện hưởng là mức lương hiện hưởng theo chức vụ hoặc theo ngạch, bậc; phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề, mức chênh lệch bảo lưu, phụ cấp công tác Đảng có tính đóng BHXH (nếu có). [↑](#footnote-ref-1)